TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CG** **TỈNH TG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **362**/2023/HNGĐ-ST;
Ngày: 21/7/2023.

V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CG – TỈNH TG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Minh Quân;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Văn Bình;

Ông Nguyễn Hoa Kiều;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CG tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Huỳnh Thanh Tân – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Ngọc H** – sinh năm 1989;

Nơi cư trú: ấp T.H, xã T.H, huyện CG, tỉnh TG.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Văn Hồng T** – sinh năm 1988;

Nơi cư trú: ấp T.H, xã T.H, huyện CG, tỉnh TG.

(*Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt không lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Ngọc H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Trần Ngọc H và anh Trần Văn Hồng T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.H, huyện CG, tỉnh TG vào ngày 23/3/2015. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống,

thường xuyên xung đột, không hàn gắn được và đã ly thân từ đó đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị H xin được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có một con chung tên Trần Tính P – sinh ngày 19/7/2015, hiện cháu đang sống với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Văn Hồng T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, đồng thời vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CG phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Ngọc H là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

Về con chung: Giao cháu Trần Tính P – sinh ngày 19/7/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T, nên xác định đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn hiện cư trú tại xã T.H, huyện CG, tỉnh TG; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CG.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn chị Trần Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Trần Văn Hồng T vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2. Căn cứ vào khoản 1, điểm b

khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh T.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Ngọc H, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị H và anh T trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã T.H, huyện CG, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 23/3/2015, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị H xin ly hôn anh T với lý do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xung đột, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không thể sống chung được. Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối tình cảm vợ chồng, nhưng anh T vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho thấy anh T không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân giữa hai người. Xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận cho chị H ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Tính P – sinh ngày 19/7/2015, hiện cháu đang sống chung với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu P còn nhỏ, nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của chị H, hơn nữa cháu Phát hiện đang sống chung với chị H, nên cần ổn định cuộc sống, cũng như các điều kiện chăm lo đầy đủ về thể chất lẫn tinh thần cho cháu P phát triển và đây cũng là nguyện vọng của cháu P. Anh T không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, xét cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CG là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc H. Cụ thể:

1. Cho chị Trần Ngọc H được ly hôn với anh Trần Văn Hồng T.

2. Về con chung: Giao chị Trần Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Tính P – sinh ngày 19/7/2015 cho đến khi trưởng thành, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn Hồng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0025610 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CG, xem như chị đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện CG;
- Chi cục THADS huyện CG;
- Ủy ban nhân dân xã T.H;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trịnh Minh Quân